

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **57** /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **06** tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương
và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững, năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu
quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày
19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm
2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung
ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung
ương;

Thực hiện Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
Nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc trình Dự thảo Nghị quyết phân bổ chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 210/BC-HĐND, ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn: Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển dự kiến bố trí thực hiện Chương trình năm 2025 là 99.571 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 91.071 triệu đồng;

b) Vốn ngân sách tỉnh (nguồn thu từ xổ số kiến thiết): 8.500 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ vốn: Phân bổ 99.571 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (ngân sách trung ương: 91.071 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 8.500 triệu đồng) như sau:

a) Phân bổ chi tiết 96.803 triệu đồng (ngân sách trung ương là 89.344 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 7.459 triệu đồng) để thực hiện các dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 1, 4, cụ thể:

- Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Phân bổ 51.303 triệu đồng (*ngân sách trung ương: 48.844 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 2.459 triệu đồng*) để thực hiện 06 dự án đầu tư. Trong đó:

+ Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Phân bổ 34.500 triệu đồng (*ngân sách trung ương: 32.400 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 2.100 triệu đồng*) để thực hiện 04 dự án chuyên tiếp.

+ Tiểu dự án 2. Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Phân bổ 16.803 triệu đồng (*ngân sách trung ương: 16.444 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 359 triệu đồng*) để thực hiện 02 dự án chuyên tiếp.

- Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Phân bổ 45.500 triệu đồng (*ngân sách trung ương: 40.500 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 5.000 triệu đồng*) để thực hiện 04 dự án đầu tư. Trong đó:

+ Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Phân bổ 20.500 triệu đồng (*ngân sách trung ương: 19.500 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 1.000 triệu đồng*) để thực hiện 02 dự án chuyên tiếp và 01 dự án dự kiến khởi công mới.

+ Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững: Phân bổ 25.000 triệu đồng (*ngân sách trung ương: 21.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 4.000 triệu đồng*) để thực hiện 01 dự án dự kiến khởi công mới.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

b) Phân bổ sau, với số vốn là 2.768 triệu đồng (*ngân sách trung ương: 1.727 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 1.041 triệu đồng*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, LĐTB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, LĐTB&XH;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện: Ea Súp, M'Drăk;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Công TTĐT;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Ch. Hoa

Huỳnh Thị Chiến Hoà

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **57** /NQ-HĐND ngày **06** tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn DTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Số vốn NSTW và NST còn thiếu so với KH giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2025			Ghi chú			
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:	
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã	NSTW		NST	NSTW		NST	NSTW		NST (Nguồn XSKT)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(16)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)			
	TỔNG CỘNG						667.054	606.404	60.000	650	666.404	606.404	60.000	99.571	91.071	8.500	99.571	91.071	8.500				
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC DỰ ÁN						667.054	606.404	60.000	650	666.404	606.404	60.000	99.571	91.071	8.500	96.803	89.344	7.459				
I	Dự án 1 : Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo						542.054	491.404	50.000	650	541.404	491.404	50.000	54.071	50.571	3.500	51.303	48.844	2.459	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện			
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo						440.717	396.717	44.000	-	440.717	396.717	44.000	37.268	34.127	3.141	34.500	32.400	2.100				
a	Huyện Ea Súp						219.217	196.717	22.500	-	219.217	196.717	22.500	19.000	16.900	2.100	19.000	16.900	2.100				
a.1	Trường THPT Ea Rôk, huyện Ea Súp; Hàng mục: xây dựng mới 10 phòng học và nhà hiệu bộ	Xã Ea Rôk	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	7993492	2022-2024	5258/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện	18.000	16.000	2.000	-	18.000	16.000	2.000	-	-	-	-	-	-	CT			
a.2	Đường giao thông liên xã Ea Rôk đi xã Cư Kbang kết nối vào đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp	Xã Ea Rôk, Cư Kbang	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	7996599	2022-2024	5262/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện	32.000	29.000	3.000	-	32.000	29.000	3.000	-	-	-	-	-	-	CT			
a.3	Đường giao thông liên xã Ya Tờ Mốt đi xã Ia Rvê, huyện Ea Súp (Giai đoạn 2)	Xã Ya Tờ Mốt	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	7995579	2022-2024	5260/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện	24.217	21.717	2.500	-	24.217	21.717	2.500	-	-	-	-	-	-	CT			
a.4	Đường giao thông liên xã Cư Kbang đi trung tâm cum xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Xã Cư Kbang - Ea Rôk	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	7996598	2022-2024	5261/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện	12.000	11.000	1.000	-	12.000	11.000	1.000	-	-	-	-	-	-	CT			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Số vốn NSTW và NST còn thiếu so với KH giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:				
								NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW			NST		NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(16)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
a.5	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi tiểu khu 249, 265, 271 xã Ea Lê và xã Cư Mian thuộc Công ty Lâm nghiệp Chư Ma Lanh, huyện Ea Súp	Xã Ea Lê, Cư M'lan	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	7995580	2022-2024	5259/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện	35.000	30.500	4.500	-	35.000	30.500	4.500	-	-	-	-	-	-	CT
a.6	Mở rộng, nâng cấp đường liên xã từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi xã Ea Bung, huyện Ea Súp	Thị trấn Ea Súp, xã Ea Bung	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	8009555	2023-2025	5639/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện	25.000	22.500	2.500	-	25.000	22.500	2.500	1.500	1.500	-	1.500	1.500	-	CT
a.7	Đường giao thông liên xã từ xã Ia Lơi đi xã Ia Lốp, huyện Ea Súp	Xã Ia Lơi - Ia Lốp	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	8028310	2023-2025	493/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh	73.000	66.000	7.000	-	73.000	66.000	7.000	17.500	15.400	2.100	17.500	15.400	2.100	CT
b	Huyện M'Đrăk						221.500	200.000	21.500	-	221.500	200.000	21.500	18.268	17.227	1.041	15.500	15.500	-	-
b.1	Trường THPT Nguyễn Tất Thành, huyện M'Đrăk; Hàng mục: Nhà đa chức năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật	Thị trấn M'Đrăk	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Đrăk		2022-2024	5546/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND huyện	7.500	7.000	500	-	7.500	7.000	500	78	-	78	-	-	-	QT
b.2	Đường giao thông liên xã Ea Riêng đi xã Ea Lai (từ Trung tâm xã Ea Riêng đến thôn 6 xã Ea Lai), huyện M'Đrăk	Ea Riêng - Ea Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Đrăk	7995014	2022-2024	5303/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	17.000	15.000	2.000	-	17.000	15.000	2.000	350	-	350	-	-	-	QT
b.3	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi xã Ea Riêng (Từ trung tâm xã Ea Lai đi thôn 3 xã Ea Riêng), huyện M'Đrăk	Xã Ea Lai - Ea Riêng	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Đrăk	7996600	2022-2024	5307/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	35.000	31.500	3.500	-	35.000	31.500	3.500	-	-	-	-	-	-	CT
b.4	Cầu và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên xã Cư K'rôa đi xã Ea Riêng (Lý trình tại Km5+965,18)	Xã Cư K'rôa	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Đrăk	7996601	2022-2024	5455/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện	12.000	11.000	1.000	-	12.000	11.000	1.000	2.340	1.727	613	-	-	-	QT
b.5	Đường vành đai từ xã Cư M'ta đi xã Krông Jing huyện M'Đrăk	Xã Krông Jing - Thị trấn - Cư M'ta	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Đrăk	7995013	2022-2024	5302/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	44.500	40.500	4.000	-	44.500	40.500	4.000	-	-	-	-	-	-	CT
b.6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ buôn M'Gâm xã Krông Jing đi Tổ dân phố 2 thị trấn M'Đrăk.	Xã Krông Jing và thị trấn M'Đrăk	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Đrăk	7995015	2022-2024	5454/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện	25.000	22.500	2.500	-	25.000	22.500	2.500	-	-	-	-	-	-	CT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Số vốn NSTW và NST còn thiếu so với KH giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2025			Ghi chú					
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:							
							Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:				NSTW	NST		NS cấp huyện và cấp xã	NSTW		NST	Tổng tất cả các nguồn vốn		NSTW	NST	Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NST (Nguồn XSKT)
								NSTW	NST																
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(16)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)					
b 7	Cầu và đường hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên xã Ea Pít đi xã Cư Prao (Tài thôn 3 xã Ea Pít), huyện M'Drắk	Xã Ea Pít - xã Cư Prao	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8012478	2023-2025	5829/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện	36.000	32.500	3.500	-	36.000	32.500	3.500	7.200	7.200	-	7.200	7.200	-	CT					
b 8	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi xã Krông Jing (Từ thôn 8 xã Ea Lai đi Buôn Hoang xã Krông Jing), huyện M'Drắk	Xã Ea Lai xã Krông Jing	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8012479	2023-2025	5830/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện	44.500	40.000	4.500	-	44.500	40.000	4.500	8.300	8.300	-	8.300	8.300	-	CT					
2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt						101.337	94.687	6.000	650	100.687	94.687	6.000	16.803	16.444	359	16.803	16.444	359						
a	Huyện M'Drắk						101.337	94.687	6.000	650	100.687	94.687	6.000	16.803	16.444	359	16.803	16.444	359	-					
a 1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San, huyện M'Drắk	Xã Ea Trang và xã Cư San	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8054271	2023-2025	1288/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh	79.900	75.450	4.000	450	79.450	75.450	4.000	15.293	14.934	359	15.293	14.934	359	CT					
a 2	Cầu Buôn M'Bhao thuộc tuyến đường giao thông từ thị trấn M'Drắk đi xã Cư M'ta và xã Ea Riêng, huyện M'Drắk (lý trình tại km 0+680 - km0+836)	xã Cư M'ta và xã Ea Riêng	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8054270	2023-2025	2871/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện	21.437	19.237	2.000	200	21.237	19.237	2.000	1.510	1.510	-	1.510	1.510	-	CT					
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						125.000	115.000	10.000	-	125.000	115.000	10.000	45.500	40.500	5.000	45.500	40.500	5.000						
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn						100.000	94.000	6.000	-	100.000	94.000	6.000	20.500	19.500	1.000	20.500	19.500	1.000						
I.1	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	8008069	2023-2025	2891/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh	44.900	41.900	3.000	-	44.900	41.900	3.000	6.900	6.900	-	6.900	6.900	-	CT					
I.2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên (Nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	8012312	2023-2025	2915/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh	44.600	42.600	2.000	-	44.600	42.600	2.000	3.100	3.100	-	3.100	3.100	-	CT					

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Số vốn NSTW và NST còn thiếu so với KH giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2025			Ghi chú			
						Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:					
							Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:				NSTW	NST		NS cấp huyện và cấp xã	NSTW		NST	NSTW		NST	NSTW	NST (Nguồn XSKT)
								NSTW	NST														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(16)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)			
1.3	Mua sắm trang thiết bị cho Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên (nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		2024-2025		10.500	9.500	1.000	-	10.500	9.500	1.000	10.500	9.500	1.000	10.500	9.500	1.000	MM			
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững						25.000	21.000	4.000	-	25.000	21.000	4.000	25.000	21.000	4.000	25.000	21.000	4.000				
2.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc	Các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các huyện, thị xã thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		2024-2025		25.000	21.000	4.000	-	25.000	21.000	4.000	25.000	21.000	4.000	25.000	21.000	4.000	MM			
B	PHÂN BỐ SAU																2.768	1.727	1.041				